

Bản án số: 324/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 12 - 2022
V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hoàng
2. Bà Trần Thị Đới

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huỳnh Như – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 08 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa T hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 883/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 381/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Nguyễn Trường A, sinh năm 1994 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện Đ, tỉnh Long An

Bị đơn: Anh Trà Minh T, sinh năm 1991 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện Đ, tỉnh Long An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 16 tháng 8 năm 2022 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Lê Nguyễn Trường A trình bày: chị và anh Trà Minh T chung sống với nhau vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cuộc sống vợ chồng không phù hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không tìm được Tg nói chung trong hôn nhân. Anh chị đã ly thân từ tháng 8 năm 2021 cho đến nay, từ khi ly thân đến nay anh chị cũng không thể hàn gắn, đoàn tụ. Nay, chị yêu cầu ly hôn với anh Trà Minh T.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có 01 con chung tên Trà Ngọc Thảo V, sinh ngày 16/6/2021, con đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị A có đơn đề nghị được vắng mặt tại các phiên tòa xét xử vụ án.

Bị đơn anh Trà Minh T trình bày tại Bản tự khai: Anh T không đồng ý với nội dung ghi trong Đơn khởi kiện của chị Trường A, do chị Trường A tự ý bỏ về nhà mẹ ruột và ly thân anh từ năm 2021 đến nay. Nay chị Trường A xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có 01 con chung tên Trà Ngọc Thảo V, sinh ngày 16/6/2021, con đang sống với chị Trường A. Khi ly hôn, anh đồng ý để chị Trường A tiếp tục nuôi con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con chung nhưng đề nghị ghi nhận anh được quyền tới lui, thăm nom, rước con do anh bị chị Trường A và gia đình ngăn cản việc thăm con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 28/11/2022, anh T có đơn đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Sau khi thụ lý vụ án, chị Lê Nguyễn Trường A có đơn đề nghị không T hành hòa giải, Tòa án đã T hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Trà Minh T, anh T có bản tự khai phản hồi ý kiến và có yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án T hành mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Lê Nguyễn Trường A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Trà Minh T, anh T hiện thường trú tại ấp T, xã K, huyện Đ, tỉnh Long An (được Công an xã K xác nhận) nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn T hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trường A và anh T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K vào năm 2020 nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Trong quá trình chung sống, chị Trường A và anh T đều xác định vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân. Từ khi ly thân đến nay, anh chị cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Trường A yêu cầu ly hôn. Tại bản tự khai anh T cũng đồng ý ly hôn.

Xét thấy, chị Trường A và anh T đều trình bày tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn và đồng ý ly hôn nhưng Tòa án không T hành hòa giải được do chị Trường A có đơn đề nghị không T hành hòa giải. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Trường A đối với anh T là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4]. Về con chung và cấp dưỡng: Quá trình chung sống, chị Trường A và anh T có 01 con chung tên Trà Ngọc Thảo V, sinh ngày 16/6/2021. Từ khi ly thân đến nay, con chung do chị Trường A trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị Trường A yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, từ khi chị Trường A và anh T xa nhau đến nay, chị Trường A là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, vẫn đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung; con chung là con gái chưa đủ 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc của mẹ hơn; anh T cũng có lời khai đồng ý để chị Trường A tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục giao con chung cho chị Trường A nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2, 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị Trường A trình bày không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trường A và anh T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6]. Về án phí: Chị Trường A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 273, 483, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Nguyễn Trường A đối với anh Trà Minh T về việc “Ly hôn”.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Nguyễn Trường A được ly hôn với anh Trà Minh T.

Về con chung và cấp dưỡng: Chị Lê Nguyễn Trường A được quyền tiếp tục nuôi 01 con chung tên Trà Ngọc Thảo V, sinh ngày 16/6/2021. Anh Trà Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Lê Nguyễn Trường A không có yêu cầu.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trường A và anh T trình bày không có nên không xem xét.

2. Về án phí: Chị Lê Nguyễn Trường A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung Ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0000062 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An sang án phí để thi hành.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- UBND xã K;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Thị Kim Thanh

